



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ẨM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 40
8. Phụ lục	41 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003964, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	28.000.000.000	20,74
Ông Nguyễn Bình Đông	10.000.000.000	7,41
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	5.000.000.000	3,70
Các cổ đông khác	187.000.000.000	68,15
Cộng	230.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-8) 38 622 501
 Fax : (84-8) 38 622 974
 Mã số thuế : 0304075529

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Cần Thơ	Số 150, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 149 Hoàng Văn Thụ, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 6 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C12/3 Quốc lộ 1A, ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 5 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 39 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 2 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số C4/16 Phạm Hùng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 333 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 7 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 656 Quốc lộ 1A, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh 4 Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại Đà Nẵng	Khu B4, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	Tầng 2, cao ốc IPC, số 1489 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường	P1402, tầng 14, tòa nhà LILAMA 10, đường Lê Văn Lương kéo dài, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; sản xuất khác chưa được phân loại vào đâu; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; thiết kế chuyên dụng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận năm nay giảm mạnh so với năm trước chủ yếu là do dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú và chi phí bán hàng tăng.

Khoản đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC chuyển từ công ty liên kết sang công ty con do các đối tác liên doanh đã thu hồi lại phần vốn góp, Công ty đã nắm được quyền kiểm soát.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2012 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2012 theo Quyết định 03/BB-HĐQT-12 ngày 14 tháng 12 năm 2012 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	3.290.000.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.628.000.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.990.000.000 VND
- Chia cổ tức đợt 02 năm 2011	16.100.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2012	16.100.000.000 VND
Cộng	43.108.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Matthew Christian Everlyn Walker	Phó Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2008	21 tháng 4 năm 2012
Ông Craig Stephen Chambers	Phó Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Bình Đông	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Bà Phan Thị Lượng	Thành viên	25 tháng 2 năm 2006	-
Ông Trần Đức Huy	Thành viên	11 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Chân	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	29 tháng 4 năm 2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2009	-
Ông Đặng Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	11 tháng 7 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trường Hải	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 7 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

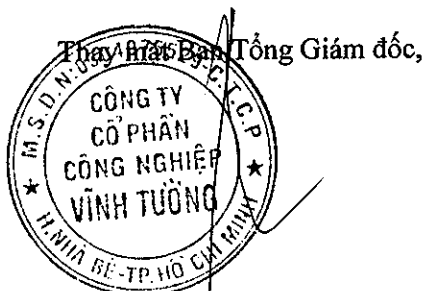
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0250/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2013, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327 /KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		439.275.158.470	364.337.731.085
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.390.041.016	29.788.683.503
1. Tiền	111		43.390.041.016	29.788.683.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.939.458.500	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	51.939.458.500	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.398.469.566	151.924.126.108
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	159.943.098.915	128.112.709.850
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.015.314.609	6.431.345.305
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	21.284.761.113	21.336.788.396
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.844.705.071)	(3.956.717.443)
IV. Hàng tồn kho	140		162.930.806.021	177.230.477.934
1. Hàng tồn kho	141	V.7	172.160.095.142	186.108.518.941
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(9.229.289.121)	(8.878.041.007)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.616.383.367	5.394.443.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	940.407.993	753.623.898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.600.750	159.709.542
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	1.659.374.624	4.481.110.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		184.599.130.658	219.706.573.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.180.419.787	77.354.021.723
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	44.862.761.236	49.863.702.511
<i>Nguyên giá</i>	222		101.119.500.392	97.242.283.065
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.256.739.156)	(47.378.580.554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	22.166.667.244	24.209.942.935
<i>Nguyên giá</i>	228		35.828.911.269	35.828.911.269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.662.244.025)	(11.618.968.334)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	1.150.991.307	3.280.376.277
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		109.421.391.618	136.628.334.629
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	135.122.010.000	114.930.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	2.796.800.000	22.988.810.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(28.497.418.382)	(1.290.475.371)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.997.319.253	5.724.216.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	3.201.258.681	4.052.417.490
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18	2.354.180.772	461.919.673
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	1.441.879.800	1.209.879.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		623.874.289.128	584.044.304.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		264.425.033.109	221.679.946.281
I. Nợ ngắn hạn	310		263.992.079.709	220.882.388.025
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	130.826.920.901	105.508.587.197
2. Phải trả người bán	312	V.21	75.868.540.775	57.584.277.761
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	1.635.528.516	4.484.721.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	5.649.082.111	11.064.455.803
5. Phải trả người lao động	315	V.24	2.245.977.548	1.433.401.263
6. Chi phí phải trả	316	V.25	23.210.175.859	12.145.764.829
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	22.695.567.580	26.849.975.626
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	1.860.286.419	1.811.204.338
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		432.953.400	797.558.256
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	171.656.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.28	-	142.324.856
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	432.953.400	483.577.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.449.256.019	362.364.358.119
I. Vốn chủ sở hữu	410		359.449.256.019	362.364.358.119
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	230.000.000.000	230.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	38.000.000.000	38.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	12.251.480.349	8.961.419.045
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	79.197.775.670	85.402.939.074
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		623.874.289.128	584.044.304.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

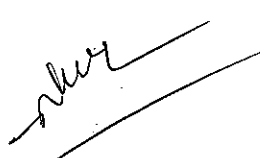
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

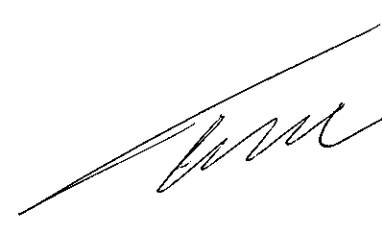
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

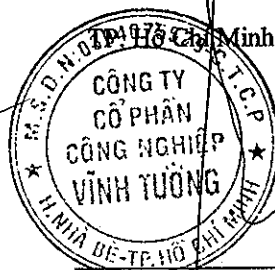
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		275.696.339		275.696.339	
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		133.794,85		153.226,28	
Dollar Singapore (SGD)		485,92		485,92	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-


Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

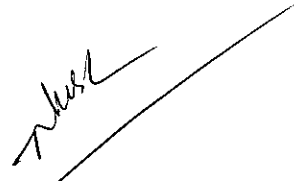
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

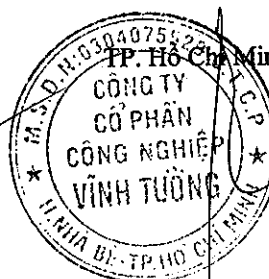
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.410.299.220.974	1.342.507.584.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.360.501.829	1.243.270.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.404.938.719.145	1.341.264.313.787
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.220.842.508.592	1.176.594.240.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		184.096.210.553	164.670.073.290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.881.670.716	17.463.937.346
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.167.513.732	21.448.209.704
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.143.719.877	21.069.225.996
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	91.075.851.334	55.666.140.554
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.150.017.794	23.197.235.783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.584.498.409	81.822.424.595
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.486.105.576	2.955.715.336
12. Chi phí khác	32	VI.8	141.797.742	381.586.621
13. Lợi nhuận khác	40		4.344.307.834	2.574.128.715
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.928.806.243	84.396.553.310
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	4.060.236.821	8.031.128.781
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.034.585.955)	(253.584.010)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.903.155.377	76.619.008.539
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-


Phạm Thị Đẹp
 Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
 Kế toán trưởng


Trần Đức Huy
 Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.928.806.243	84.396.553.310
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	13.244.241.147	13.599.243.781
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	28.446.178.753	(439.586.250)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	-	(481.794.996)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(4.768.455.483)	(574.250.586)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.143.719.877	21.069.225.996
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		89.994.490.537	117.569.391.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.993.799.959	87.731.091.033
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.948.423.799	(11.949.944.736)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.528.428.714)	(108.930.337.736)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		664.374.714	(497.840.101)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.25,VI.4	(14.308.980.222)	(21.739.826.981)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(8.426.671.625)	(7.827.627.728)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		103.686.722	8.266.694.557
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.017.333.206)	(12.173.351.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		83.423.361.964	50.448.247.953
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.13	(4.174.983.716)	(14.344.951.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	216.720.730	197.048.648
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(51.939.458.500)	(3.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(85.930.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	2.500.000	636.352.781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.895.221.486)	(99.441.549.713)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

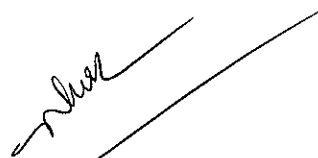
Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

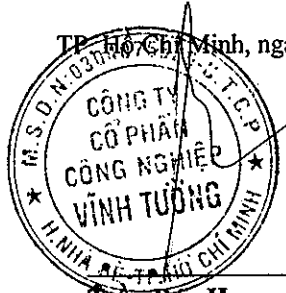
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	95.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	460.540.310.263	463.365.871.394
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(435.393.632.559)	(501.583.116.297)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(39.073.460.669)	(27.025.807.708)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.926.782.965)	29.756.947.389
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.601.357.513	(19.236.354.371)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	29.788.683.503	49.021.787.807
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	3.250.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	43.390.041.016	29.788.683.503


Phạm Thị Đẹp
 Người lập biểu


Nguyễn Văn Tuấn
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013


Trần Đức Huy
 Tổng Giám đốc

19875
 CÔNG TY
 HIỆM HỮ
 ƠN VÀ T
 & C
 P. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUƠNG

Địa chỉ: Lô C23a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, trang trí nội thất, sản xuất và mua bán máy móc thiết bị ngành cơ khí (không sản xuất tại trụ sở).
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 552 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 503 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Lợi nhuận năm nay giảm mạnh so với năm trước chủ yếu là do dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty cổ phần Hiệp Phú và chi phí bán hàng tăng.

Khoản đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC chuyển từ công ty liên kết sang công ty con do các đối tác liên doanh đã thu hồi lại phần vốn góp, Công ty đã nắm được quyền kiểm soát.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

15-
TỶ
HỮU
Ả TỰ
C
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-20
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-06

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Trong đó:

- Quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (43 năm).
- Quyền sử dụng đất tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc được xác định căn cứ theo giá thị trường và đã được các cổ đông thống nhất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (48 năm).

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa là chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa. Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao 10 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22 tháng 4 năm 2006. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.

Chi phí thuê nhà

Chi phí thuê nhà lưu trú cho công nhân thực hiện công trình được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng thuê nhà (23 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm	Không có mức trích lập tối đa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.816 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.919.958.998	8.227.291.904
Tiền gửi ngân hàng	31.071.345.018	21.335.785.941
Tiền đang chuyển	398.737.000	225.605.658
Cộng	43.390.041.016	29.788.683.503

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Công ty cổ phần Hiệp Phú vay thời hạn 01 năm với lãi suất 11%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	122.028.590.132	86.857.217.092
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	37.914.508.783	41.255.492.758
Cộng	159.943.098.915	128.112.709.850

Các khoản phải thu trị giá 4 triệu USD được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	1.685.539.497	5.985.276.792
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	329.775.112	446.068.513
Cộng	2.015.314.609	6.431.345.305

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu tạm nộp	2.997.691.915	6.540.626.724
Phải thu tiền chiết khấu hàng mua	6.108.335.217	7.100.268.426
Nguyễn Thành Hưng – tiền cho mượn	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thanh Tùng – tiền cho mượn	-	150.000.000
Ông Trần Đức Huy - tiền mua cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	2.043.000.000	2.043.000.000
Công ty cổ phần Hiệp Phú - tiền cho mượn	700.000.000	-
Công ty cổ phần Hiệp Phú - lãi cho vay phải thu	4.653.579.258	-
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc – các khoản chi hộ	4.321.374.462	4.691.494.681
Các khoản phải thu khác	360.780.261	711.398.565
Cộng	21.284.761.113	21.336.788.396

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm	856.193.572	591.102.305
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.310.590.394	1.437.955.782
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	109.173.490	1.738.584.488
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	2.568.747.615	189.074.868
Cộng	4.844.705.071	3.956.717.443

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.956.717.443
Trích lập dự phòng bổ sung	887.987.628
Số cuối năm	4.844.705.071

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	14.110.565.317	12.859.459.264
Nguyên liệu, vật liệu	103.367.786.893	106.939.733.323
Công cụ, dụng cụ	1.175.276.170	890.418.041
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.852.147.983	10.449.508.394
Thành phẩm	34.808.995.331	38.481.018.258
Hàng hóa	7.845.323.448	16.488.381.661
Cộng	172.160.095.142	186.108.518.941

Một số hàng hóa trong kho có giá trị 6 triệu USD đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.180.353.218	4.415.596.039
Thành phẩm	3.048.935.903	4.462.444.968
Cộng	9.229.289.121	8.878.041.007

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	8.878.041.007
Trích lập dự phòng bổ sung	351.248.114
Số cuối năm	9.229.289.121

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	-	30.000.000
Chi phí bảo lãnh	928.625.000	122.000.000
Chi phí bảo trì, sửa chữa	-	127.477.908
Chi phí đồng phục	-	363.650.200
Chi phí khác	11.782.993	110.495.790
Cộng	940.407.993	753.623.898

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.518.569.150	3.426.487.071
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.323.139	1.054.623.029
Tài sản thiếu chờ xử lý	95.482.335	-
Cộng	1.659.374.624	4.481.110.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.294.168.910	48.444.284.123	12.326.612.114	2.177.217.918	97.242.283.065
Mua sắm mới	1.491.306.448	3.936.677.239	555.255.000	321.129.999	6.304.368.686
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.252.951.359)	(150.000.000)	(24.200.000)	(2.427.151.359)
Số cuối năm	35.785.475.358	50.128.010.003	12.731.867.114	2.474.147.917	101.119.500.392
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	18.642.105.544	2.568.189.079	489.187.800	21.699.482.423
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.565.641.673	30.291.661.945	6.526.630.029	994.646.907	47.378.580.554
Khấu hao trong năm	1.992.377.715	7.056.293.552	1.729.856.786	422.437.403	11.200.965.456
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.163.285.751)	(147.916.643)	(11.604.460)	(2.322.806.854)
Số cuối năm	11.558.019.388	35.184.669.746	8.108.570.172	1.405.479.850	56.256.739.156
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	24.728.527.237	18.152.622.178	5.799.982.085	1.182.571.011	49.863.702.511
Số cuối năm	24.227.455.970	14.943.340.257	4.623.296.942	1.068.668.067	44.862.761.236
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 49.369.546.377 VND và 24.229.433.040 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	19.177.722.157	16.000.000.000	651.189.112	35.828.911.269
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	19.177.722.157	16.000.000.000	651.189.112	35.828.911.269
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	60.500.000	60.500.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.115.059.427	9.199.999.977	303.908.930	11.618.968.334
Khấu hao trong năm	334.850.610	1.599.999.996	108.425.085	2.043.275.691
Số cuối năm	2.449.910.037	10.799.999.973	412.334.015	13.662.244.025
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	17.062.662.730	6.800.000.023	347.280.182	24.209.942.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VINH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Số cuối năm	16.727.812.120	5.200.000.027	238.855.097	22.166.667.244
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.873.922.157 VND và 15.634.521.526 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	3.277.622.032	1.045.222.276	(3.174.607.246)	1.148.237.062
XDCB dở dang	2.754.245			2.754.245
Cộng	3.280.376.277	1.045.222.276	(3.174.607.246)	1.150.991.307

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Hiệp Phú ⁽ⁱ⁾	9.450.000	94.500.000.000	9.450.000	94.500.000.000
Công ty cổ phần công nghiệp Vinh Tường Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	2.043.000	20.430.000.000	2.043.000	20.430.000.000
VTJ Vinh Tuong PLC ⁽ⁱⁱⁱ⁾		20.192.010.000		-
Cộng		135.122.010.000		114.930.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101288280 ngày 09 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Hiệp Phú 94.500.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.

(ii) Công ty nhận chuyển nhượng 90.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đ/cổ phần) tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghiệp Vinh Tường Miền Bắc (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900251447 ngày 09 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp). Giá trị nhận chuyển nhượng là 20.430.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 67/BKH - ĐTRNN ngày 24 tháng 9 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 15 tháng 02 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ Vinh Tuong PLC 2.500.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ. Năm nay, Công ty chuyển khoản đầu tư này từ công ty liên kết sang công ty con do các đối tác liên doanh thu hồi lại phần vốn góp, Công ty đã nắm được quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
VTJ Vinh Tuong PLC		-		20.192.010.000
VTJ (Singapore) Private Limited ⁽ⁱ⁾		2.796.800.000		2.796.800.000
Cộng		2.796.800.000		22.988.810.000

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 206/BKH - ĐTRNN ngày 09 tháng 12 năm 2008 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào VTJ (Singapore) Private Limited 160.000 USD, tương đương 40% vốn điều lệ.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	27.322.298.487	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	1.175.119.895	1.290.475.371
Cộng	28.497.418.382	1.290.475.371

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.290.475.371
Trích lập dự phòng bổ sung	27.206.943.011
Số cuối năm	28.497.418.382

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	491.657.050	1.089.133.168	(929.455.099)	651.335.119
Lợi thế thương mại ^(*)	1.120.815.524	-	(274.485.456)	846.330.068
Chi phí sửa chữa	1.706.952.764	335.862.785	(1.166.450.291)	876.365.258
Chi phí thuê nhà	505.599.727	691.284.643	(652.751.806)	544.132.564
Chi phí bảo hiểm	33.126.923	76.961.548	(64.665.514)	45.422.957
Chi phí khác	194.265.502	307.765.000	(264.357.787)	237.672.715
Cộng	4.052.417.490	2.501.007.144	(3.352.165.953)	3.201.258.681

- ^(*) Khoản chênh lệch giữa giá trị nhận góp vốn với giá trị tài sản thuần (giá trị tài sản thuần đã được định giá lại bởi Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A) của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường (Chi nhánh Vĩnh Phúc) tại thời điểm nhận sáp nhập Chi nhánh.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	461.919.673
Số phát sinh	1.892.261.099
Số cuối năm	2.354.180.772

19. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược thuê văn phòng và cửa hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	128.055.264.901	100.286.915.197
- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	-	3.175.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	49.463.737.835	43.905.375.985
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hà Nội ^(a)	31.192.253.693	36.522.342.865
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(b)	47.399.273.373	16.684.196.347
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(c)	2.600.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	171.656.000	221.672.000
Cộng	130.826.920.901	105.508.587.197

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 86 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền với đất; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD; hàng hóa trong kho trị giá 4 triệu USD; máy móc thiết bị trị giá 11 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan trị giá 10 triệu USD.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán L/C và bảo lãnh trong nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa tại kho nhà máy Hưng Yên, thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Phúc trị giá 2 triệu USD; các khoản phải thu trị giá 2 triệu USD và bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

(c) Vay Bà Đoàn Thị Cẩm Nhung để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 14%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	100.286.915.197	459.940.310.263	-	(432.171.960.559)	128.055.264.901
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.000.000.000	600.000.000	-	(3.000.000.000)	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	221.672.000	-	171.656.000	(221.672.000)	171.656.000
Cộng	105.508.587.197	460.540.310.263	171.656.000	(435.393.632.559)	130.826.920.901

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Trụ sở chính	69.998.701.294	39.302.973.395
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	5.869.839.481	18.281.304.366
Cộng	75.868.540.775	57.584.277.761

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Trụ sở chính	1.249.536.324	2.999.006.338
Tại Chi nhánh Vĩnh Phúc	385.992.192	1.485.714.870
Cộng	1.635.528.516	4.484.721.208

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.192.344.281	17.724.282.167	(16.703.700.208)	3.212.926.240
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	227.081.099	4.512.578.135	(4.723.058.483)	16.600.751
Thuế xuất, nhập khẩu	1.765.827.618	2.793.106.228	(4.540.188.424)	18.745.422
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.986.379.174	4.060.236.821	(8.426.671.625)	1.619.944.370
Thuế thu nhập cá nhân	892.823.631	2.221.123.406	(2.333.081.709)	780.865.328
Tiền thuê đất	-	24.984.364	(24.984.364)	-
Các loại thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Cộng	11.064.455.803	31.348.311.121	(36.763.684.813)	5.649.082.111

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003964 ngày 24 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, Trụ sở chính Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 588/CNUĐĐT ngày 04 tháng 3 năm 2005 do Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Chi nhánh Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.928.806.243	84.396.553.310
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	22.020.489.461	4.189.858.416
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.004.548.810)	(2.908.059.803)
Thu nhập chịu thuế	52.944.746.894	85.678.351.923

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập được ưu đãi (thuế suất 15%)	510.747.451	76.488.574.853
- Thu nhập không được ưu đãi (thuế suất 25%)	52.433.999.443	9.189.777.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	7.992.786.779	13.770.730.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(3.932.549.958)	(5.736.643.114)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	(2.958.602)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.060.236.821	8.031.128.781
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
24. Phải trả người lao động		
Tiền lương tháng 12 còn phải trả nhân viên.		
25. Chi phí phải trả		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	76.074.175	241.334.520
Chi phí các chương trình khuyến mại	9.327.361.518	5.871.897.433
Chi phí chiết khấu	8.635.465.333	-
Chi phí vận chuyển	2.057.347	266.889.778
Trích trước chi phí các công trình	3.499.908.999	3.380.081.413
Chi phí khác	1.669.308.487	2.385.561.685
Cộng	23.210.175.859	12.145.764.829
26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	106.143.807	44.235.088
Kinh phí công đoàn	340.825.645	212.600.681
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	335.409	27.129.165
Ông Đặng Minh Phương - tiền mượn	5.047.439.390	3.230.000.000
Cổ tức phải trả	16.400.731.623	23.274.192.292
Phải trả khác	800.091.706	61.818.400
Cộng	22.695.567.580	26.849.975.626
27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	1.811.204.338	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	7.618.257.477	
Chi quỹ	(7.569.175.396)	
Số cuối năm	1.860.286.419	
28. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	142.324.856	
Số phát sinh	(142.324.856)	
Số cuối năm	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	483.577.400
Số đã chi	(50.624.000)
Số cuối năm	432.953.400

30. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	38.000.000.000	6.008.060.233	57.441.289.347	236.449.349.580
Phát hành cổ phiếu	95.000.000.000		-	-	95.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	76.619.008.539	76.619.008.539
Trích lập các quỹ	-	-	2.953.358.812	(11.857.358.812)	(8.904.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(36.800.000.000)	(36.800.000.000)
Số dư cuối năm trước	230.000.000.000	38.000.000.000	8.961.419.045	85.402.939.074	362.364.358.119
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	8.961.419.045	85.402.939.074	362.364.358.119
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	36.903.155.377	36.903.155.377
Trích lập các quỹ	-	-	3.290.061.304	(10.908.318.781)	(7.618.257.477)
Chia cổ tức	-	-	-	(32.200.000.000)	(32.200.000.000)
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000	38.000.000.000	12.251.480.349	79.197.775.670	359.449.256.019

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	23.273.812.292
Tạm ứng cổ tức	15.799.648.377
Cộng	39.073.460.669

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.000.000	23.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.410.299.220.974	1.342.507.584.297
- Doanh thu bán hàng hóa	699.197.276.401	688.821.787.326
- Doanh thu bán thành phẩm	689.252.614.874	642.072.176.679
- Doanh thu hoạt động xây dựng	21.849.329.699	11.613.620.292
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.360.501.829)	(1.243.270.510)
- Chiết khấu thương mại	(2.596.450.012)	-
- Giảm giá hàng bán	(2.741.581.982)	(58.082.207)
- Hàng bán bị trả lại	(22.469.835)	(1.185.188.303)
Doanh thu thuần	1.404.938.719.145	1.341.264.313.787
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	696.893.234.577	687.756.362.985
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	686.196.154.869	641.894.330.510
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	21.849.329.699	11.613.620.292

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ	646.773.765.249	643.876.914.073
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ	552.112.400.471	521.482.442.848
Giá vốn của hoạt động xây dựng	21.605.094.758	12.328.420.161
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	351.248.114	(1.093.536.585)
Cộng	1.220.842.508.592	1.176.594.240.497

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	221.366.580	309.933.250
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000	601.543.214
Lãi cho vay	4.653.579.258	-
Chiết khấu thanh toán	2.895.663.444	12.966.459.740
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	108.561.434	3.069.396.579
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	481.794.996
Lãi bán hàng trả chậm	-	34.809.567
Cộng	7.881.670.716	17.463.937.346

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14.143.719.877	21.069.225.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	331.638.717	389.655.349
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	27.206.943.011	(78.138.660)
Chi phí khác	485.212.127	67.467.019
Cộng	42.167.513.732	21.448.209.704

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.447.345.838	16.186.564.008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	861.055.251	561.332.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.706.437.700	2.580.779.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.750.735.368	27.049.463.408
Chi phí khác	24.310.277.177	9.288.001.408
Cộng	91.075.851.334	55.666.140.554

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.259.497.493	9.776.901.332
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.277.091.235	1.152.951.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.200.552	529.982.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.064.184.876	6.847.142.684
Chi phí khác	3.989.043.638	4.890.257.339
Cộng	24.150.017.794	23.197.235.783

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	216.720.730	197.048.648
Nhà cung cấp bồi thường hàng hỏng	39.781.986	42.179.810
Thu tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	3.407.216.677	2.245.426.688
Các khoản khác	822.386.183	471.060.190
Cộng	4.486.105.576	2.955.715.336

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	104.344.505	259.150.843
Các khoản khác	37.453.237	122.435.778
Cộng	141.797.742	381.586.621

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	142.324.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.892.261.099)	(461.919.673)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(142.324.856)	66.010.807
Cộng	(2.034.585.955)	(253.584.010)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUƠNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	519.807.105.317	489.943.899.765
Chi phí nhân công	58.067.163.191	46.533.103.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.244.241.147	13.599.243.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.468.107.952	54.431.339.005
Chi phí khác	29.845.341.677	15.215.493.160
Cộng	689.431.959.284	619.723.079.226

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Công ty sử dụng các tài sản sau để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty cổ phần Hiệp Phú tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh, gồm:

- Hàng tồn kho, giá trị các khoản phải thu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 86 Kinh Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.3, V.7, V.11, V.12). Theo đó, Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 1.250.000 USD và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V12). Theo đó, Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 20 tỷ VNĐ và số tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số tiền gốc này.

Ngoài ra, Công ty cũng bảo đảm trả nợ cho khoản vay của VTJ Vinh Tuong PLC (bên được bảo lãnh) tại ANZ Royal Bank (Cambodia) theo Giấy cam kết bảo lãnh ngày 13 tháng 6 năm 2012. Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 600.000 USD.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Trả tiền vay	-	(16.000.000.000)
Lãi vay	390.833.333	1.068.635.528
Mượn tiền	38.997.189.000	-
Trả tiền mượn	-	(26.800.000.000)
Ban điều hành		
Mượn tiền	4.481.281.890	1.950.000.000
Trả tiền mượn	(2.663.842.500)	(160.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT Công ty còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như sau:

- Cầm cố cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh;
- Bảo lãnh cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số dư nợ gốc tối đa là 10.000.000 USD và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này;
- Bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	-	3.000.000.000
Ban điều hành	5.047.439.390	3.230.000.000
Cộng nợ phải trả	5.047.439.390	6.230.000.000
Ban điều hành	2.043.000.000	2.043.000.000
Cộng nợ phải thu	2.043.000.000	2.043.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.640.563.404	4.480.063.138
Tiền thưởng	446.627.000	200.072.000
Cộng	6.087.190.404	4.680.135.138

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Hiệp Phú	Công ty con
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc	Công ty con
VTJ Vinh Tuong PLC	Công ty con
VTJ (Singapore) Private Limited	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Tường là Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường là cá nhân có liên quan với Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT Công ty)
Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam	Công ty có liên quan (Giám đốc Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam là Phó chủ tịch HĐQT Công ty)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Cho mượn tiền	700.000.000	-
Mua hàng	70.390.911.741	2.386.725.500
Bán hàng	20.251.425.774	2.982.672
Cho vay	51.939.458.500	-
Lãi cho vay	4.653.579.258	-
Chi hộ	-	1.222.366.314
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc		
Thuê nhà xưởng	2.743.065.000	3.878.550.000
Giao hàng gia công	5.685.915.000	-
Cho vay	7.170.000.000	4.320.000.000
VTJ Vĩnh Tường PLC		
Bán hàng	29.734.425.036	44.931.611.585
Chi hộ	12.367.000	56.634.510
VTJ (Singapore) Private Limited		
Bán hàng	16.048.137.540	21.941.807.025
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Mượn tiền	-	8.000.000.000
Mua tài sản cố định	435.000.000	-
Mua hàng hóa	88.412.000	-
Bán hàng	7.009.955.618	-
Công ty TNHH Saint - Gobain Việt Nam		
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	366.343.602.989	382.010.496.739
Nhận chiết khấu thanh toán	2.335.598.962	8.427.809.466

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty cũng bảo đảm trả nợ cho khoản vay của VTJ Vĩnh Tường PLC (bên được bảo lãnh) tại ANZ Royal Bank (Cambodia) theo Giấy cam kết bảo lãnh ngày 13 tháng 6 năm 2012. Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 600.000 USD.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Phải thu tiền hàng	22.093.483.131	111.100.000
Ứng trước tiền hàng	-	2.633.292.050
Phải thu tiền chi hộ	-	1.344.602.945
Phải thu tiền cho vay	51.939.458.500	-
Lãi cho vay phải thu	4.653.579.258	-
Phải thu tiền cho mượn	700.000.000	-
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc		
Phải thu tiền hàng	-	1.099.879.781
Phải thu tiền cho vay và tiền chi hộ	4.321.374.462	4.691.494.681

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh Vĩnh Tường Campuchia		
Phải thu tiền hàng	18.013.061.205	19.954.385.369
Phải thu khác	14.880.100	8.808.100
VTJ (Singapore) Private Limited		
Phải thu tiền hàng	14.460.610.098	11.454.983.857
Công ty cổ phần Vĩnh Tường		
Phải thu tiền hàng	849.338.034	389.651.999
Cộng nợ phải thu	117.045.784.788	41.688.198.782
Công ty cổ phần Hiệp Phú		
Phải trả tiền hàng	7.893.431.280	15.950.000
Công ty cổ phần công nghiệp Vĩnh Tường Miền Bắc		
Phải trả tiền hàng	1.204.612.200	-
Công ty cổ phần giao nhận Vĩnh Tường		
Phải trả tiền chi phí vận chuyển	710.218.400	-
Công ty TNHH Saint - Gobain Việt Nam		
Phải trả tiền hàng	2.130.829.187	1.118.027.860
Phải trả khác	65.479.682	-
Cộng nợ phải trả	12.004.570.749	1.133.977.860

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam, khu vực miền Bắc và xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở phụ lục đính kèm từ trang 41 đến trang 42.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.617.453.670	2.989.724.870
Trên 01 năm đến 05 năm	3.025.619.478	1.383.028.478
Trên 05 năm	284.565.217	299.782.609
Cộng	<u>5.927.638.365</u>	<u>4.672.535.957</u>

Công ty thuê một số cửa hàng, chi nhánh và văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2033 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.390.041.016	-	-	-	43.390.041.016
Phải thu khách hàng	152.879.229.621	-	-	7.063.869.294	159.943.098.915
Các khoản cho vay	51.939.458.500	-	-	-	51.939.458.500
Các khoản phải thu khác	15.518.691.732	-	-	1.073.499.812	16.592.191.544
Cộng	263.727.420.869	-	-	8.137.369.106	271.864.789.975
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.788.683.503	-	-	-	29.788.683.503
Phải thu khách hàng	125.053.702.422	-	-	-	125.053.702.422
Các khoản phải thu khác	26.130.068.281	-	-	-	26.130.068.281
Cộng	180.972.454.206	-	-	-	180.972.454.206

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	130.902.995.076	-	-	130.902.995.076
Phải trả người bán	75.868.540.775	-	-	75.868.540.775
Các khoản phải trả khác	32.966.990.071	-	-	32.966.990.071
Cộng	239.738.525.922	-	-	239.738.525.922
Số đầu năm				
Vay và nợ	105.508.587.197	171.656.000	-	105.680.243.197
Phải trả người bán	57.584.277.761	-	-	57.584.277.761
Các khoản phải trả khác	40.429.141.718	483.577.400	-	40.912.719.118
Cộng	203.522.006.676	655.233.400	-	204.177.240.076

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	133.794,85	485,92	153.226,28	485,92
Phải thu khách hàng	1.802.701,49	-	1.576.288,61	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	1.935.947,42	485,92	1.729.514,89	485,92

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	(130.655.264.901)	(105.286.915.197)
Nợ phải trả thuần	(130.655.264.901)	(105.286.915.197)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.616.538.418 VND (năm trước giảm/tăng 2.110.171.744 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	-	600.000 USD
Phải thu khách hàng	4.000.000 USD	5.000.000 USD
Cộng	4.000.000 USD	5.600.000 USD

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.390.041.016	-	29.788.683.503	-	43.390.041.016	29.788.683.503
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	159.943.098.915	(3.708.705.259)	128.112.709.850	(3.059.007.428)	156.234.393.656	125.053.702.422
Các khoản cho vay	51.939.458.500	-	-	-	51.939.458.500	-
Các khoản phải thu khác	16.592.191.544	(1.073.499.812)	38.976.973.708	(897.710.015)	15.518.691.732	38.079.263.693
Cộng	271.864.789.975	(4.782.205.071)	196.878.367.061	(3.956.717.443)	267.082.584.904	192.921.649.618

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	130.902.995.076	105.680.243.197	130.826.920.901	105.680.243.197
Phải trả người bán	75.868.540.775	57.584.277.761	75.868.540.775	57.584.277.761
Các khoản phải trả khác	32.966.990.071	71.584.694.731	33.043.064.246	71.584.694.731
Cộng	239.738.525.922	234.849.215.689	239.738.525.922	234.849.215.689

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013



Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu



Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUỜNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:					Đơn vị tính: VND
Năm nay	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	889.878.860.110	447.765.682.559	67.294.176.476	-	1.404.938.719.145
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	71.123.270.512	-	-	(71.123.270.512)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	961.002.130.622	447.765.682.559	67.294.176.476	(71.123.270.512)	1.404.938.719.145
Chi phí bộ phận	849.090.647.070	375.146.290.759	67.728.841.275	(71.123.270.512)	1.220.842.508.592
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	111.911.483.552	72.619.391.800	(434.664.799)	-	184.096.210.553
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					115.225.869.128
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					68.870.341.425
Doanh thu hoạt động tài chính					7.881.670.716
Chi phí tài chính					42.167.513.732
Thu nhập khác					4.486.105.576
Chi phí khác					141.797.742
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					4.060.236.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.034.585.955)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					36.903.155.377

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TUÔNG

Địa chỉ: Lô C23A, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

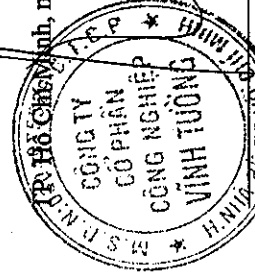
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Khu vực xuất khẩu	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	793.765.624.003	475.005.669.047	72.493.020.737	-	1.341.264.313.787
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	71.904.861.217	-	-	(71.904.861.217)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	865.670.485.220	475.005.669.047	72.493.020.737	(71.904.861.217)	1.341.264.313.787
Chi phí bộ phận	770.985.461.616	401.744.026.456	76.073.407.660	(72.208.655.235)	1.176.594.240.497
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	94.685.023.604	73.261.642.591	(3.580.386.923)	303.794.018	164.670.073.290
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					78.863.376.337
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					85.806.696.953
Doanh thu hoạt động tài chính					17.463.937.346
Chi phí tài chính					21.448.209.704
Thu nhập khác					2.955.715.336
Chi phí khác					381.586.621
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					8.031.128.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(253.584.010)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					76.619.008.539

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2013



Nguyễn Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Thị Đẹp
Người lập biểu



